TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-ST
Ngày 27-5-2026
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liễu Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Chu Thị Yêm;

Bà Nguyễn Thị Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Lan Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Thùy L, sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm *, xã Đ, tỉnh Cao Bằng (trước đây là Tổ dân phố *, thị trấn Đ, huyện T1, tỉnh Cao Bằng); CCCD số: 0041940041**, ngày cấp: 11-8-2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Trung Q, sinh năm 1990; địa chỉ: Số *, phố V, Thôn *, xã T2, tỉnh Lạng Sơn; giấy CMTND số: 0820722**; hiện đang chấp hành án tại khu B, Trại giam N1 (Bắc Ninh) – Cục C10 – Bộ Công an; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Thuỳ L trình bày: Chị và anh Hoàng Trung Q được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới theo phong tục tập quán và đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T2, huyện T3, tỉnh Lạng Sơn ngày 15-8-2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà của anh Hoàng Trung Q tại thị trấn T2, huyện T3, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình chung sống phát sinh mẫu thuẫn thường xuyên cãi vã do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung; từ đầu tháng 01-2014 vợ chồng đã sống ly thân. Đến tháng 8-2014, anh Hoàng Trung Q bị bắt tạm giam và bị kết án 20 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma tuý, hiện đang chấp hành án tại khu B, Trại giam N1 (Bắc Ninh) – Cục C10 – Bộ Công an; thời gian đầu chị còn đi thăm anh Hoàng Trung Q nhưng từ năm 2019 chị không đi thăm nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Trung Q.

Về con chung: Chị Hoàng Thị Thuỳ L và anh Hoàng Trung Q có 01 con chung là cháu Hoàng Kim N2, sinh ngày 05-10-2013, hiện nay đang ở với chị Hoàng Thị Thuỳ L và học Trường trung học cơ sở Đ. Khi ly hôn, chị Hoàng Thị Thuỳ L yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Kim N2 đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Hoàng Trung Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, các khoản nợ chung và cho vay chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Trung Q gửi cho Tòa án bản tự khai với nội dung: Anh chị được tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T2, huyện T3, tỉnh Lạng Sơn. Ban đầu cuộc sống hạnh phúc, đến cuối năm 2013 phát sinh mâu thuẫn, hai bên không tìm được tiếng nói chung; đến khoảng tháng 8-2014 anh đi chấp hành án tại trại giam N1. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Hoàng Thị Thuỳ L đề nghị ly hôn, anh đồng ý. Anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Kim N2, sinh ngày 05-10-2013; do anh đang đi chấp hành án nên yêu cầu chị Hoàng Thị Thuỳ L trực tiếp nuôi con cho đến khi đủ 18 tuổi, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 15-4-2026, cháu Hoàng Kim N2 có ý kiến: Hiện nay cháu đang sống với mẹ, nếu bố mẹ không ở cùng nhau nữa, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tại Biên bản xác minh ngày 20-4-2026, Ủy ban nhân dân xã T2, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Anh Hoàng Trung Q và chị Hoàng Thị Thuỳ L tổ chức cưới theo phong tục địa phương năm 2012, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn T2, huyện T3, tỉnh Lạng Sơn ngày 15-8-2013, đã từng chung sống tại Thôn *, xã T2, tỉnh Lạng Sơn. Anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Kim N2, sinh ngày 05-10-2013 hiện đang sống cùng chị Hoàng Thị Thuỳ L và gia đình tại Xóm *, xã Đ, tỉnh Cao Bằng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp

hành đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Hoàng Thị Thuỳ L được ly hôn với anh Hoàng Trung Q; giao con chung là cháu Hoàng Kim N2, sinh ngày 05-10-2013 cho chị Hoàng Thị Thuỳ L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi; anh Hoàng Trung Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; anh Hoàng Trung Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Hoàng Thị Thuỳ L không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị Hoàng Thị Thuỳ L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị Thuỳ L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn giải quyết ly hôn với anh Hoàng Trung Q đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T2, tỉnh Lạng Sơn; do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn theo Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các đương sự viết bản tự khai; do chị Hoàng Thị Thùy L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên thuộc trường hợp vụ án không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Các văn bản đều được tống đạt hợp lệ cho các đương sự. Bị đơn anh Hoàng Trung Q không có mặt theo giấy triệu tập nhưng đã gửi cho Toà án bản tự khai; không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Tòa án đã tiến hành phiên họp và thông báo kết quả hợp lệ cho anh Hoàng Trung Q. Phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Hoàng Thị Thuỳ L gửi đơn xin ly hôn với anh Hoàng Trung Q và yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thuỳ L và anh Hoàng Trung Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T2, huyện T3, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã T2, tỉnh Lạng Sơn) vào ngày 15-8-2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc; đến cuối năm 2013 phát sinh mâu thuẫn cãi vã do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01-2014. Đến tháng 8-2014, anh Hoàng Trung Q bị bắt tạm giam, bị kết án và đi chấp hành án tại Trại giam N1; thời gian đầu chị Hoàng Thị Thùy L còn đi thăm nhưng từ năm 2019 không đi thăm nữa; xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Trung Q. Anh Hoàng Trung Q cũng xác định tình cảm không còn và nhất trí ly hôn. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hoàng Thị Thuỳ L

và anh Hoàng Trung Q đã trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Thuỳ L, cho chị Hoàng Thị Thuỳ L được ly hôn với anh Hoàng Trung Q.

[4] Về con chung: Chị Hoàng Thị Thuỳ L và anh Hoàng Trung Q có 01 con chung là cháu Hoàng Kim N2, sinh ngày 05-10-2013, hiện nay cháu Hoàng Kim N2 đang ở với chị Hoàng Thị Thuỳ L. Khi ly hôn, chị Hoàng Thị Thuỳ L yêu cầu được trực tiếp nuôi con, anh Hoàng Trung Q cũng đồng ý. Xét thấy, từ khi chị Hoàng Thị Thuỳ L và anh Hoàng Trung Q ly thân đến nay, cháu Hoàng Kim N2 đều ở với chị Hoàng Thị Thuỳ L, hơn nữa anh Hoàng Trung Q hiện đang đi chấp hành án nên không có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con, nên chấp nhận yêu cầu, giao cháu Hoàng Kim N2 cho chị Hoàng Thị Thuỳ L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; đó cũng là nguyện vọng của cháu. Anh Hoàng Trung Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh Hoàng Trung Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Hoàng Thị Thuỳ L không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, các khoản nợ chung và cho vay chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Hoàng Thị Thuỳ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 186, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Thuỳ L, xử cho chị Hoàng Thị Thuỳ L được ly hôn với anh Hoàng Trung Q.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Kim N2, sinh ngày 05-10-2013 cho chị Hoàng Thị Thuỳ L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cho đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Hoàng Trung Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh Hoàng Trung Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Hoàng Thị Thuỳ L không yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị Thuỳ L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn để nộp vào ngân sách Nhà nước; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hoàng Thị Thuỳ L đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000306, ngày 09-02-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Chị Hoàng Thị Thuỳ L đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Thuỳ L và anh Hoàng Trung Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Lạng Sơn (PGĐ, KT, TT&THA);
- VKSND khu vực 2 - Lạng Sơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn (Phòng THADS khu vực *);
- UBND xã T2, tỉnh Lạng Sơn.
- Các đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Liễu Thị Hạnh